



BẢN TIN PHÁP LUẬT
THÁNG 1 - 2019

TRONG SỐ NÀY

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- **Hỏi đáp.**
- **Các công văn liên quan đến chính sách thuế.**

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

- **Doanh nghiệp phải xuất hóa đơn khi tặng quà cho cán bộ công nhân viên?**
- **Sau thanh tra, kiểm tra, doanh nghiệp có được nộp hồ sơ bổ sung không?**
- **Hướng dẫn hạch toán khoản chi phí lãi vay trong quá trình đầu tư dự án xây dựng tòa nhà hỗn hợp.**

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- **Nghị định số:163/2018/NĐ-CP ngày 4 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ.**
- **Thông tư số:05/2018/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.**
- **Thông tư số:30/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước.**

NỘI DUNG CHI TIẾT

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

1. HỎI ĐÁP

Hỏi

Kính gửi Quý Bộ, tôi đang công tác tại Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện, hiện tại tôi được giao nhiệm vụ lập hồ sơ đấu giá tài sản là trụ sở cơ quan đã không còn sử dụng (bao gồm đất và nhà), đã được đưa ra khỏi dữ liệu quốc gia về tài sản công. Như vậy theo công văn số 12006/BTC-QLCS ngày 02/10/2018 thì tôi có phải làm các bước để đăng tải trên Trang thông tin điện tử về tài sản công không? Xin cảm ơn Quý Bộ

Trả lời:

Tại Điểm 2 Khoản 2 và Điểm a Khoản 5 Điều 127 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định:

"Điều 127. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu về tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị;

...5. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Cập nhật dữ liệu các loại tài sản công quy định tại khoản 2 Điều này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công".

Tại Khoản 6 Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định:



"Điều 24. Bán tài sản công theo hình thức đấu giá

...6. Trình tự, thủ tục đấu giá tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này có trách nhiệm giám sát toàn bộ quá trình bán đấu giá trong trường hợp thuê tổ chức đấu giá để thực hiện bán đấu giá tài sản. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá phải được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định này. Ưu tiên đấu giá tài sản công qua Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công. Thông tin về việc đấu giá tài sản công được niêm yết, thông báo công khai theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và đăng tải trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công hoặc Trang thông tin điện tử về tài sản công."

Tại Điểm a Khoản 1.1. Mục 1 Công văn số 12006/BTC-QLCS ngày 02/10/2018, Bộ Tài chính đã hướng dẫn:

"1. Những nội dung phải đăng tải, thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử về tài sản công

Căn cứ quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành, các nội dung phải đăng tải, thông báo công khai trên Trang điện tử về tài sản công bao gồm:

1.1. Đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị):

a) Bán tài sản công (bao gồm cả trường hợp bán thanh lý tài sản công và bán vật tư, vật liệu thu hồi từ việc thanh lý tài sản công) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo hình thức đấu giá. Nội dung thông báo công khai việc đấu giá thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 57 Luật Đấu giá tài sản."

Căn cứ các quy định nêu trên, khi lập hồ sơ bán đấu giá tài sản công là trụ sở làm việc theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phải đăng tải thông tin về việc bán đấu giá tài sản trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công hoặc Trang Thông tin điện tử về tài sản công quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 12006/BTC-QLCS ngày 02/10/2018.

Hỏi:

Tôi hiện đang làm kế toán theo Thông tư 107, tôi có thắc mắc về việc chuyển số dư năm 2017 sang năm 2018. Theo Công văn số 16098/BTC -CDKT ngày 28/11/2017 V/v hướng dẫn chuyển số dư từ hệ thống TK cũ sang hệ thống TK mới, có hướng dẫn

chuyển tài khoản 3372 sang tài khoản 2412, tài khoản 3373 sang tài khoản 2413. Tôi thấy việc chuyển số dư tài khoản như trên là không hợp lý. Tài khoản 337 số dư bên có, tài khoản 241 số dư bên nợ. Nếu chuyển sang tài khoản 241 số dư bên có thì sẽ làm cho giá trị công trình chưa được quyết toán bị giảm xuống. Tôi nghĩ chuyển số dư tài khoản 3372, 3373 sang tài khoản 3664 thì hợp lý hơn. Trên đây là ý kiến của tôi, rất mong được Bộ Tài chính xem xét. Nếu ý kiến của tôi chưa chính xác kính đề nghị Bộ Tài chính giải thích, nêu rõ hơn về vấn đề này. Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Trả lời:

Theo hướng dẫn tại công văn số 16098/BTC-CDKT V/v hướng dẫn chuyển số dư từ hệ thống TK cũ sang hệ thống TK mới, nội dung hướng dẫn chuyển số dư đối với TK 3372 - Giá trị khối lượng sửa chữa lớn hoàn thành và TK 3373- Giá trị khối lượng XD CB hoàn thành còn lại cuối năm 2017 sang 2018 có sai sót như bạn đọc đã phản ánh. Vì vậy việc chuyển số dư các tài khoản nói trên được thực hiện như sau:

Số dư TK 3372 và TK 3373 theo hệ thống TK cũ được chuyển sang số dư đầu năm 2018 của TK 3664- KP đầu tư XD CB (đơn vị mở chi tiết TK 3664 phục vụ yêu cầu quản lý) theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC.

Hỏi:

Tại điều 54 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 đối với các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ công có giá trị chỉ định thầu dưới 500 triệu đồng. Xin cho hỏi gói thầu dịch vụ công có được chỉ định thầu rút gọn theo quy định tại khoản 2 điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 khi đơn vị sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên không vì trong Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 không có hướng dẫn đối với gói thầu dịch vụ công theo hình thức chỉ định thầu (Thông thường hay rút gọn) Kính đề nghị Bộ tài chính cho hướng dẫn để đơn vị có cơ sở thực hiện

Trả lời:

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; trong đó, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC quy định nội dung mua sắm và nguồn kinh phí mua sắm thuộc phạm vi



điều chỉnh của Thông tư số 58/2016/TT-BTC; việc lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ công không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

Việc thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ công thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu.

Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài Chính, Tôi có vấn đề thắc mắc như sau: Công ty tôi chuẩn bị triển khai hóa đơn điện tử, Vậy trên hóa đơn điện tử có ngày hóa đơn và ngày ký hóa đơn điện tử. Vậy hai ngày này có nhất thiết phải khớp nhau không? Do Công ty có nhiều địa điểm bán hàng khác nhau và nhiều sản phẩm, vậy khi sử dụng hóa đơn điện tử cùng một mẫu số và ký hiệu thì công ty tôi có thể phân bổ cho từng địa điểm bán hàng một khoảng riêng như hóa đơn đặt in không? Xin cảm ơn!

Trả lời:

Tại Khoản 2, Điều 3 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định:

“Hóa đơn điện tử là hóa đơn được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập, ghi nhận thông tin bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, ký số, ký điện tử theo quy định tại Nghị định này bằng phương tiện điện tử, bao gồm cả trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế”.

Tại Điều 4 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về nguyên tắc lập, quản lý và sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

“1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán (trừ hộ, cá nhân kinh doanh quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định này) phải lập hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế để giao cho người mua theo định dạng

chuẩn dữ liệu mà cơ quan thuế quy định và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Nghị định này, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Trường hợp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán có sử dụng máy tính tiền thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

2. Việc đăng ký, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử trong giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, kế toán, thuế và quy định tại Nghị định này.

3. Dữ liệu hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ là cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để phục vụ công tác quản lý thuế và cung cấp thông tin hóa đơn điện tử cho các tổ chức, cá nhân có liên quan...”.

Tại Điều 7 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, dịch vụ quy định về thời điểm lập hóa đơn điện tử như sau:

“1. Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

2. Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

3. Trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ thì mỗi lần giao hàng hoặc bàn giao đều phải lập hóa đơn cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao tương ứng.

4. Bộ Tài chính căn cứ quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, pháp luật quản lý thuế để hướng dẫn cụ thể thời điểm lập hóa đơn đối với các trường hợp khác và nội dung quy định tại Điều này”.

Tại Khoản 1, Điều 9 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử hợp pháp như sau:

“1. Hóa đơn điện tử hợp pháp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Hóa đơn điện tử đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 4, các Điều 6, 7, 8 Nghị định này;

b) Hóa đơn điện tử bảo đảm tính toàn vẹn của thông tin”.

Căn cứ theo quy định trên, trường hợp Doanh nghiệp bạn sử dụng hóa đơn điện tử thì khi lập hóa đơn điện tử, Doanh nghiệp bạn phải tuân thủ các quy định tại Điều 4; các Điều 6, 7, 8 Nghị định này. Trường hợp ngày ký hóa đơn điện tử thực hiện sau ngày lập hóa đơn điện tử thì Doanh nghiệp bạn phải căn cứ vào ngày lập hóa đơn điện tử để xác định nghĩa vụ kê khai, nộp thuế và hạch toán theo quy định.

2. CÁC CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ.

Công văn số 4809/TCT-DNNVV&HKD,CN ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc kê khai, nộp thuế TNCN

Trả lời công văn số 63437/CT-TTHT ngày 14/9/2018 về việc chính sách thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với khoản chi tiền bồi dưỡng cho cán bộ từ hoạt động khám chữa bệnh dịch vụ ngoài giờ tại bệnh viện Da liễu Trung ương, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ Điều 104, Điều 106 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH12 ngày 18/6/2012 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013 quy định về thời giờ làm việc bình thường và làm thêm giờ:

Căn cứ Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm:

Căn cứ Điểm i, Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu nhập được miễn thuế thu nhập cá nhân:

Căn cứ hướng dẫn nêu trên, trường hợp bệnh viện tổ chức hoạt động khám chữa bệnh dịch vụ và chi trả tiền bồi dưỡng cho người lao động theo quy chế chi tiêu nội bộ của bệnh viện, không theo quy định của Luật Lao động thì khoản thu nhập người lao động nhận được từ hoạt động này là khoản thu nhập thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công theo Luật Thuế Thu nhập cá nhân.

Công văn số 79556/CT-TTHT ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc trả lời chính sách thuế.

Trả lời công văn số 181115/CV-TBH ngày 15/11/2018 của Công ty CP công nghệ và thiết bị hàn, Cục thuế Thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết:

Căn cứ Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 41/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính Phủ hướng dẫn kê khai mẫu số 01 Thông tin quan hệ liên kết và giao dịch liên kết quy định:

Căn cứ Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2

Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) quy định:

Căn cứ các quy định trên và theo nội dung trình bày trong công văn hỏi của đơn vị, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

1. Về hạch toán chi phí lãi vay.

Trường hợp Công ty CP công nghệ và thiết bị hàn là đối tượng nộp thuế TNDN theo phương pháp kê khai và có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP thì Công ty xác định chi phí lãi vay được trừ khi tính thu nhập chịu thuế TNDN theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC. Trong đó chi phí lãi vay xác định theo nguyên tắc nêu trên là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của Công ty (không phân biệt chi phí lãi vay phát sinh từ các bên liên kết hay từ các bên độc lập).

Trường hợp Công ty không phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết thì việc xác định chi phí được trừ đối với chi phí vay vốn sản xuất kinh doanh được thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật thuế TNDN nêu trên.

2. Về kiến nghị của Công ty về tỷ lệ khống chế chi phí lãi vay được trừ đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục Thuế TP Hà Nội. Cục Thuế TP Hà Nội xin ghi nhận kiến nghị của Công ty để tổng hợp báo cáo Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính phục vụ cho dự án sửa đổi, bổ sung chính sách pháp luật liên quan đến giao dịch liên kết.

Công văn số 81259/CT-TTHT ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc thuế suất thuế GTGT của các dịch vụ cung cấp cho các thành viên Tập đoàn.

Cục thuế TP Hà Nội nhận được công văn số OM.26092018-001 ngày 17/10/2018 của Công ty TNHH Omron Việt Nam về việc bổ sung hồ sơ cho công văn hỏi số OM.26092018 hỏi về chính sách thuế, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ Khoản 7 Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 16 Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định về nguyên tắc lập hóa đơn.

Căn cứ các quy định trên và theo trình bày của đơn vị tại công văn hỏi, Cục thuế TP Hà Nội trả lời về mặt nguyên tắc như sau:

Trường hợp Công ty TNHH Omron Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) ký kết hợp đồng với thành viên của Tập đoàn Omron (là các pháp nhân độc lập hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam) để thực hiện cung cấp dịch vụ liên quan đến hoạt động của các nhân viên được Tập đoàn cử sang làm việc tại Việt Nam (như chi phí điện nước, lương, thưởng, bảo hiểm, chi phí văn phòng, ...). Công ty TNHH Omron Việt Nam thực hiện chi trước các khoản chi phí trên cho nhân viên và các nhà cung cấp, sau đó các thành viên của Tập đoàn Omron sẽ thanh toán lại cho Công ty Omron Việt Nam các khoản chi phí này thì khi Tập đoàn Omron thanh toán lại cho Công ty các khoản chi phí mà Công ty đã chi trả cho nhân viên, các nhà cung cấp, Công ty phải lập hóa đơn cho Tập đoàn và thực hiện kê khai tính thuế GTGT với mức thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu còn vướng mắc đề nghị Công ty liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 1 để được hướng dẫn cụ thể.

Công văn số 5031/TCT-CS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc chính sách thuế.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 14084/CT-TT&HT ngày 17/8/2018 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương hỏi về thuế nhà thầu đối với hợp đồng cung cấp giải pháp bảo vệ thương hiệu tích hợp của Công ty TNHH Bao bì Nexgen Việt Nam. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính quy định về thu nhập chịu thuế TNDN.

Tại khoản 21 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại Điều 9 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin quy định về các loại sản phẩm phần mềm.

Căn cứ quy định trên, Đề nghị Cục Thuế tỉnh Bình Dương căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị để xác định:

Trường hợp Công ty TNHH Bao bì Nexgen Việt Nam sử dụng “Giải pháp bảo vệ thương hiệu tích hợp” của Tập đoàn Valmarc để in nhãn dính vào sản phẩm của khách hàng, tức là sử dụng phần mềm dựa trên nền tảng mã vạch để truy xuất dãy số seri nhằm phân biệt các nhãn mác khác nhau trên bao bì sản phẩm nhằm theo dõi, kiểm soát, nhận

diện thương hiệu, bảo vệ thương hiệu; vận chuyển, tiếp thị, theo dõi, kiểm soát hàng tồn kho...cho khách hàng là chủ thương hiệu thì thu nhập của Tập đoàn Valmarc từ việc cung cấp “Giải pháp bảo vệ thương hiệu tích hợp” là thu nhập từ bản quyền phần mềm thuộc đối tượng chịu thuế TNDN với tỷ lệ (%) tính trên doanh thu tính thuế là 10% và thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Trường hợp Công ty TNHH Bao bì Nexgen Việt Nam sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Valmarc kể cả trường hợp nhãn hiệu này được thể hiện bằng mã vạch để in trên bao bì sản phẩm thì thuế nhà thầu được thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 15888/BTC-CST ngày 7/11/2016 của Bộ Tài chính.

Công văn số 81737/CT-TTHT ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc xuất hóa đơn GTGT.

Trả lời công văn số 997/ARM-TC ngày 03/12/2018 của Công ty CP Armephaco hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về cách lập một số tiêu thức cụ thể trên hóa đơn.

Căn cứ Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BTC ngày 17/1/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính về hoá đơn.

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty Armephaco có mua hàng hóa của Công ty A để bán cho Công ty B. Khi bàn giao hàng hóa, Công ty A chưa xuất hoá đơn cho Công ty Armephaco và Công ty Armephaco chưa xuất hóa đơn cho Công ty B. Sau ngày bàn giao, trong cùng tháng bàn giao Công ty A mới xuất hóa đơn cho Công ty Armephaco và Công ty Armephaco mới xuất hóa đơn cho Công ty B thì việc lập hóa đơn như trên là không đúng thời điểm theo quy định, trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm thì bị xử phạt về hóa đơn theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 10/2014/TT-BTC nêu trên.

Cục thuế TP Hà Nội thông báo để đơn vị biết và thực hiện./.

Công văn số 5070/TCT-CS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc chính sách thuế.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 1588/CT-HCQTTVAC ngày 10/07/2018 của Cục Thuế tỉnh Bến Tre đề nghị hướng dẫn xử lý đối với trường hợp xuất hóa đơn không theo thứ tự của Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ hướng dẫn tại Điểm d Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 hướng dẫn thi hành nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, hướng dẫn về Nguyên tắc lập hóa đơn;

Căn cứ hướng dẫn tại Điểm b.1, b.2 Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 10/2014/TT-BTC ngày 17/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn đối với việc lập hóa đơn không theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn không theo quy định;

Trường hợp Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre phân chia hóa đơn đặt in cho các đơn vị trực thuộc trực tiếp bán hàng và phát sinh sai sót lập hóa đơn không theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn theo quy định thì căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm của người nộp thuế để xử lý theo Điểm b.1 nêu trên nếu sau khi phát hiện sai sót đã hủy (không dùng) quyền có số thứ tự bé hơn hoặc Điểm b.2 nêu trên đối với các hành vi khác. Đề nghị Cục Thuế tỉnh Bến Tre căn cứ những hướng dẫn nêu trên và tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp để xử lý phù hợp với quy định.

Công văn số 82360/CT-TTHT ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc kê khai khấu trừ thuế GTGT.

Trả lời công văn số 6/CV ghi ngày 05/12/2018 của Công ty TNHH Sinh Nam hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày

12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty TNHH Sinh Nam đã nộp số thuế GTGT bị cơ quan hải quan ấn định tại khâu nhập khẩu và không thuộc trường hợp bị cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế; khi nộp có chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu thì Công ty được kê khai, khấu trừ số thuế GTGT bị ấn định này nếu đáp ứng quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT tại Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC.

Số thuế nhập khẩu theo quyết định ấn định của cơ quan hải quan mà Công ty TNHH Sinh Nam đã nộp được xác định là khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính nêu trên.

Nội dung liên quan đến hạch toán kế toán, đề nghị đơn vị liên hệ với Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán - Bộ Tài chính để được hướng dẫn.

Trong quá trình thực hiện, nếu còn vướng mắc đề nghị đơn vị liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 4 để được hướng dẫn.

Công văn số 84485/CT-TTHT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc trả lời chính sách thuế.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 2018-07-N3 ngày 27/7/2018; công văn số 2018-10-N2 ngày 22/10/2018 của Công ty TNHH Hattori và Cộng sự (sau đây gọi tắt là Công ty) đề nghị được hướng dẫn về chính sách thuế TNCN.

Căn cứ Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân quy định về các khoản thu nhập chịu thuế.

Căn cứ Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty chi trả chi phí đi lại, ăn ở cho cá nhân người nước ngoài làm công tác kiểm soát nội bộ của Công ty sang Việt Nam công tác, nếu đáp ứng là khoản chi công tác phí cho người lao động đi công tác, đủ điều kiện được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN. Trường hợp khoản chi nêu trên không đáp ứng điều kiện là khoản chi công tác phí theo quy định thì phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN theo quy định.

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

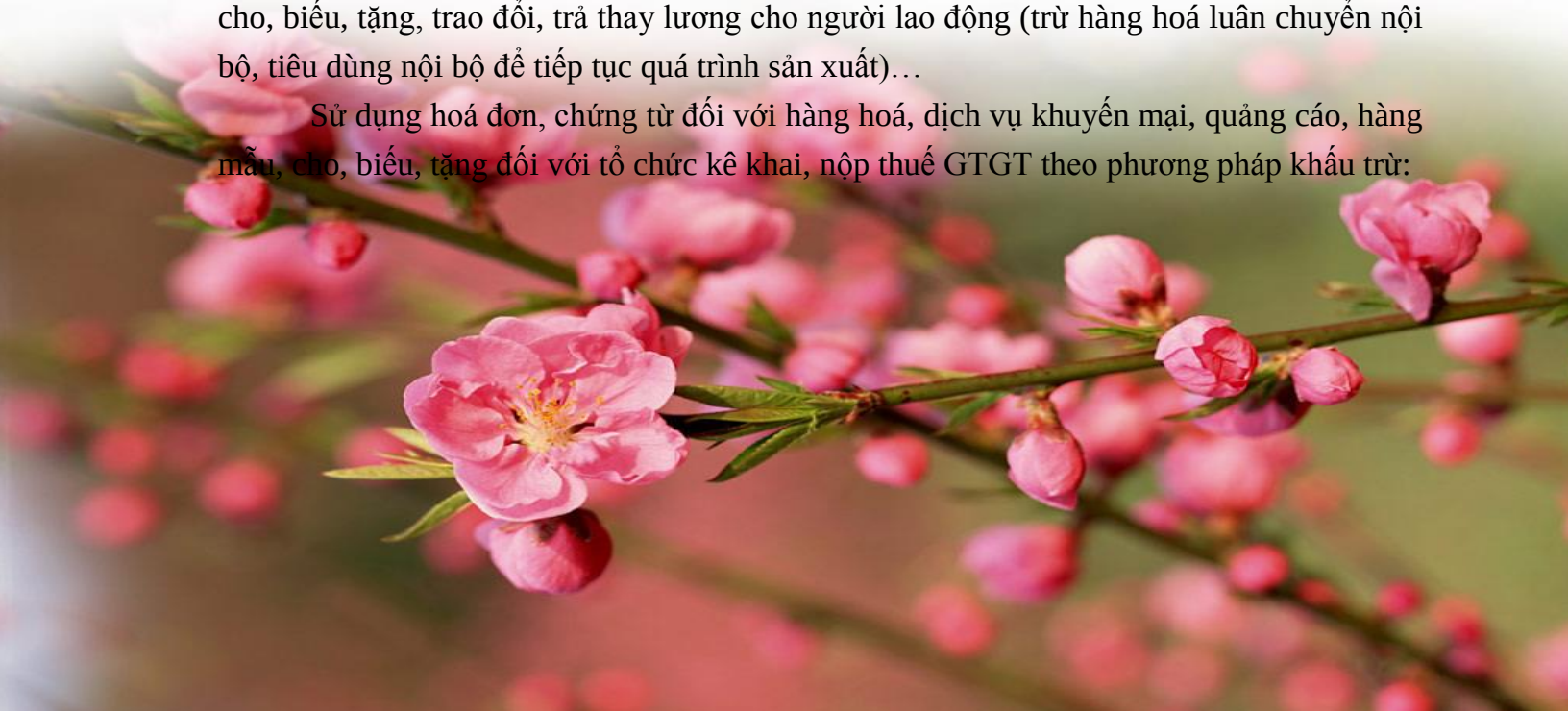
Doanh nghiệp phải xuất hóa đơn khi tặng quà cho cán bộ công nhân viên?

Hàng năm vào các dịp lễ, tết Công ty thường hay mua hàng hóa để làm quà tặng cho cán bộ, công nhân viên thì khi tặng quà Công ty có phải lập hóa đơn hay không? Cán bộ, công nhân viên khi được nhận quà tặng có phải kê khai, nộp thuế TNCN hay không?

Theo hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính:

Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hoá, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hoá luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất)...

Sử dụng hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá, dịch vụ khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu, cho, biếu, tặng đối với tổ chức kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:



Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động thì phải lập hoá đơn GTGT (hoặc hoá đơn bán hàng), trên hoá đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hoá đơn xuất bán hàng hoá cho khách hàng.

Theo hướng dẫn tại khoản 10 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính:

Thu nhập từ nhận quà tặng là khoản thu nhập của cá nhân nhận được từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, cụ thể như sau:

a) Đối với nhận quà tặng là chứng khoán bao gồm: cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật Chứng khoán; cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Đối với nhận quà tặng là phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh bao gồm: vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã, công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, vốn trong doanh nghiệp tư nhân, cơ sở kinh doanh của cá nhân, vốn trong các hiệp hội, quỹ được phép thành lập theo quy định của pháp luật hoặc toàn bộ cơ sở kinh doanh nếu là doanh nghiệp tư nhân, cơ sở kinh doanh của cá nhân.

c) Đối với nhận quà tặng là bất động sản bao gồm: quyền sử dụng đất; quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất; quyền sở hữu nhà, kể cả nhà ở hình thành trong tương lai; kết cấu hạ tầng và các công trình xây dựng gắn liền với đất, kể cả công trình xây dựng hình thành trong tương lai; quyền thuê đất; quyền thuê mặt nước; các khoản thu nhập khác nhận được từ thừa kế là bất động sản dưới mọi hình thức; trừ thu nhập từ quà tặng là bất động sản hướng dẫn tại điểm d, khoản 1, Điều 3 Thông tư này.

d) Đối với nhận quà tặng là các tài sản khác phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng với cơ quan quản lý Nhà nước như: ô tô; xe gắn máy, xe mô tô; tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy; thuyền, kể cả du thuyền; tàu bay; súng săn, súng thể thao.

Công ty thực hiện mua hàng hóa để làm quà tặng cho cán bộ công nhân viên thì khi tặng quà Công ty phải lập hoá đơn GTGT theo quy định.

Cá nhân là người lao động trong Công ty được Công ty tặng quà bằng hiện vật không thuộc thu nhập chịu thuế từ quà tặng theo quy định tại khoản 10 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC thì không phải kê khai, nộp thuế TNCN đối với quà tặng này.

Sau thanh tra, kiểm tra, doanh nghiệp có được nộp hồ sơ bổ sung không?

Theo quy định của Luật quản lý thuế người nộp thuế có quyền khai bổ sung thông tin và hồ sơ nộp thuế điện tử trước khi cơ quan thuế ban Quyết định thanh tra, kiểm tra.

Trong trường hợp cơ quan thuế đã kiểm tra, thanh tra và ban hành quyết định hoặc kết luận xử lý về thuế tại Doanh nghiệp, tuy nhiên người nộp thuế rà soát lại sổ sách có phát hiện ra sai sót liên quan đến thời kỳ, phạm vi kiểm tra, thanh tra dẫn đến làm tăng số thuế phải nộp thì người nộp thuế được khai bổ sung, điều chỉnh và bị xử lý theo quy định như đối với trường hợp cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện.

* Theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính tại Khoản 5 Điều 10 quy định khai bổ sung hồ sơ khai thuế thì: Sau khi hết hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế.

Hồ sơ khai thuế bổ sung được nộp cho cơ quan thuế vào bất cứ ngày làm việc nào, không phụ thuộc vào thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của lần tiếp theo, nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế; nếu cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau kiểm tra, thanh tra thì người nộp thuế được khai bổ sung, điều chỉnh, cụ thể:

Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp còn sai sót liên quan đến thời kỳ đã kiểm tra, thanh tra nhưng không thuộc phạm vi đã kiểm tra, thanh tra thì người nộp thuế được khai bổ sung, điều chỉnh và phải nộp tiền chậm nộp theo quy định.

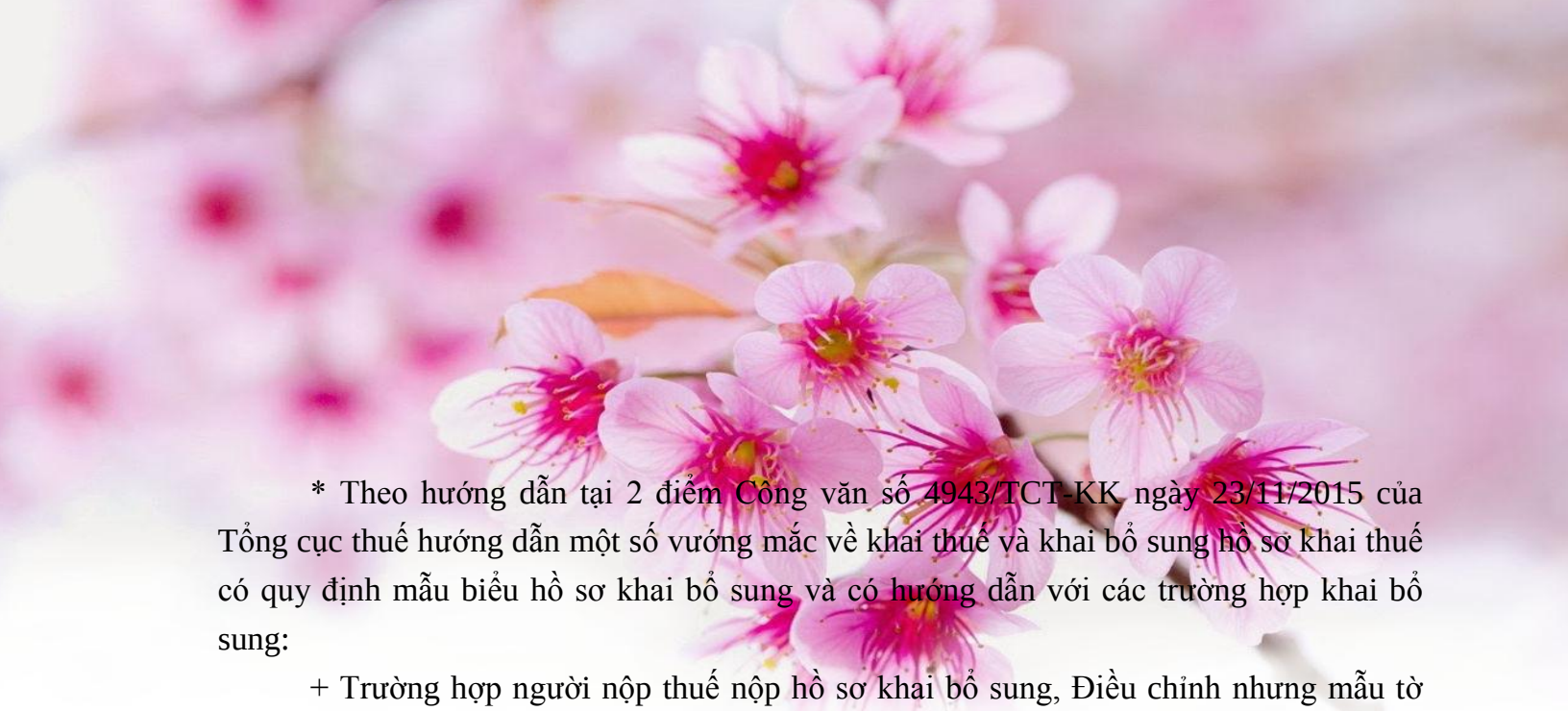
Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp còn sai sót liên quan đến thời kỳ, phạm vi đã kiểm tra, thanh tra dẫn đến phát sinh tăng số thuế phải nộp, giảm số thuế đã được hoàn, giảm số thuế được khấu trừ, giảm số thuế đã nộp thừa thì người nộp thuế được khai bổ sung, điều chỉnh và bị xử lý theo quy định như đối với trường hợp cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện.

Trường hợp cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế liên quan đến tăng, giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ thì người nộp thuế thực hiện khai điều chỉnh vào hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế nhận được kết luận, quyết định xử lý về thuế theo kết luận, quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền (người nộp thuế không phải lập hồ sơ khai bổ sung).

* Hồ sơ khai bổ sung gồm:

- Tờ khai thuế của kỳ tính thuế bị sai sót đã được bổ sung, điều chỉnh;
- Bản giải trình khai bổ sung, điều chỉnh mẫu số 01/KHBS ban hành kèm theo Thông tư này (trong trường hợp khai bổ sung, điều chỉnh có phát sinh chênh lệch tiền thuế);

Tài liệu kèm theo giải thích số liệu trong bản giải trình khai bổ sung, điều chỉnh.



* Theo hướng dẫn tại 2 điểm Công văn số 4943/TCT-KK ngày 23/11/2015 của Tổng cục thuế hướng dẫn một số vướng mắc về khai thuế và khai bổ sung hồ sơ khai thuế có quy định mẫu biểu hồ sơ khai bổ sung và có hướng dẫn với các trường hợp khai bổ sung:

+ Trường hợp người nộp thuế nộp hồ sơ khai bổ sung, Điều chỉnh nhưng mẫu tờ khai của kỳ tính thuế bị sai sót đã hết hiệu lực và được thay thế bằng mẫu mới thì người nộp thuế sử dụng mẫu tờ khai thuế có hiệu lực tại thời Điểm khai bổ sung.

+ Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung Điều chỉnh chỉ tiêu trên tờ khai mà chỉ tiêu này được tổng hợp từ phụ lục thì khi nộp hồ sơ khai bổ sung phải gửi kèm theo các phụ lục giải trình.

Ví dụ 3: Người nộp thuế có hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ khai bổ sung tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu số 03/TNDN, Điều chỉnh chỉ tiêu A1- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN thì phải gửi kèm theo Phụ lục 03-1A/TNDN và Báo cáo tài chính có Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu liên quan”.

Trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp còn sai sót liên quan đến thời kỳ, phạm vi đã kiểm tra, thanh tra dẫn đến phát sinh tăng số thuế phải nộp thì người nộp thuế được khai bổ sung, điều chỉnh và bị xử lý theo quy định như đối với trường hợp cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện.

Hướng dẫn hạch toán khoản chi phí lãi vay trong quá trình đầu tư dự án xây dựng tòa nhà hỗn hợp.

Chi phí lãi vay đối với các khoản lãi vay phát sinh trong quá trình đầu tư dự án xây dựng tòa nhà hỗn hợp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bán hoặc cho thuê có được đưa vào chi phí tính thuế trong kỳ hay được xử lý như thế nào?

Tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định: Chi phí lãi vay của dự án sẽ được tính là chi phí hợp lý tại doanh nghiệp khi đáp ứng đủ điều kiện:

Doanh nghiệp góp đủ số vốn điều lệ theo tiến độ còn thiếu.

Khoản chi về lãi vay phải phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp và không được ghi nhận vào giá trị của tài sản, giá trị công trình đầu tư.

Tại Chuẩn mực kế toán số 16 quy định: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực này.

Theo đó, trường hợp Công ty ký hợp đồng vay vốn với ngân hàng để thực hiện đầu tư các hạng mục của dự án xây dựng tòa nhà hỗn hợp. Khi dự án chưa hoàn thành thì khoản chi trả lãi tiền vay trong quá trình đầu tư được ghi nhận vào giá trị của tài sản, giá trị công trình đầu tư, không được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi dự án hoàn thành, nếu tòa nhà dự án là nhà hỗn hợp vừa dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, vừa dùng để bán hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật thì Công ty phải xác định và hạch toán riêng phần giá trị của nhà hỗn hợp theo từng mục đích sử dụng theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định như sau: Công ty thực hiện ghi nhận giá trị của phần tài sản (diện tích) là tài sản cố định, quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định đối với phần giá trị tài sản (diện tích) dùng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và dùng để cho thuê (trừ trường hợp cho thuê tài chính); Công ty không được hạch toán là tài sản cố định và không được trích khấu hao đối với phần giá trị tài sản (diện tích) dùng để bán. Riêng đối với các tài sản được dùng chung liên quan đến công trình nhà hỗn hợp như sân chơi, đường đi, nhà để xe việc xác định giá trị của từng loại tài sản và giá trị khấu hao các tài sản dùng chung được phân bổ theo tiêu thức để xác định giá trị từng loại tài sản và phân bổ khấu hao nhà hỗn hợp.

Tiêu thức để xác định giá trị từng loại tài sản và phân bổ khấu hao tài sản đối với từng mục đích sử dụng được căn cứ vào tỷ trọng giá trị của từng phần diện tích theo từng mục đích sử dụng trên giá trị quyết toán công trình; hoặc căn cứ vào diện tích thực tế sử dụng theo từng mục đích sử dụng để hạch toán.

Trường hợp tòa nhà của Công ty không xác định tách riêng được phần giá trị tài sản (diện tích) phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vừa để bán, để cho thuê thì doanh nghiệp không hạch toán toàn bộ phần giá trị tài sản (diện tích) này là tài sản cố định và không được trích khấu hao theo quy định.

Như vậy, theo quy định về thuế và kế toán, phần chi phí lãi vay của hoạt động đầu tư dự án được xác định nhằm tăng nguyên giá của tài sản trong quá trình đầu tư xây dựng. Doanh nghiệp sẽ đưa chi phí lãi vay vào nguyên giá của tài sản để thực hiện trích khấu

hao theo quy định sau khi dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp cần lưu ý các nội dung hướng dẫn nêu trên để thực hiện đúng quy định của pháp luật về thuế liên quan đến hoạt động đầu tư dự án bất động sản.

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

Nghị định số:163/2018/NĐ-CP ngày 4 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ.

Ngày 4 tháng 12 năm 2018 Chính phủ ban hành Nghị định số 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu.

Nghị định này quy định việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp theo hình thức riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Nghị định này không điều chỉnh việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

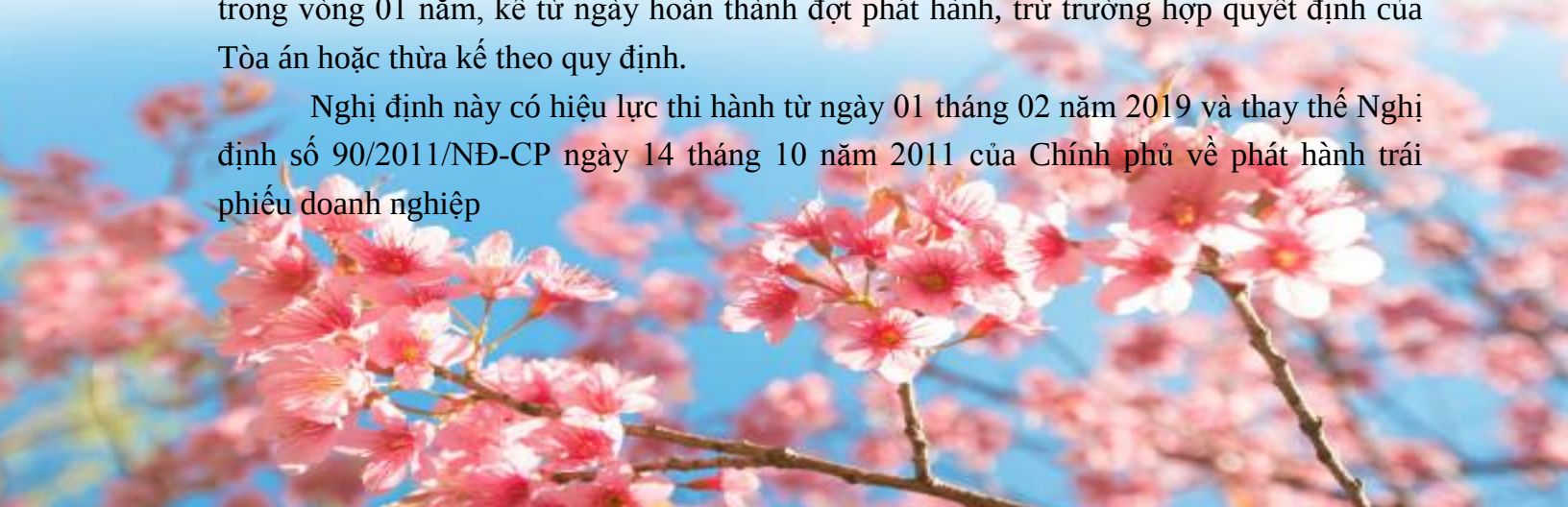
Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Nghị định này quy định, trái phiếu doanh nghiệp phát hành tại thị trường trong nước có mệnh giá là 100.000 đồng hoặc là bội số của 100.000 đồng. Nếu phát hành ra thị trường quốc tế, mệnh giá được thực hiện theo quy định của thị trường phát hành.

Trái phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử; Doanh nghiệp phát hành quyết định cụ thể hình thức trái phiếu đối với mỗi đợt phát hành theo quy định tại thị trường phát hành.

Đáng chú ý, Nghị định này quy định trái phiếu doanh nghiệp bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong vòng 01 năm, kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, trừ trường hợp quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 và thay thế Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp



Thông tư số:05/2018/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018 Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT về quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu được tổ chức lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Thông tư này quy định chi tiết về lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu (E- HSDT) đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13, được tổ chức lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (sau đây gọi là Hệ thống).

Theo đó, quy định về thời gian đánh giá đối với hồ sơ dự thầu qua Hệ thống mạng (E-HSDT) như sau:

Tối đa là 45 ngày, kể từ ngày mở thầu đến ngày bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Thời gian đánh giá E-HSDT không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, kể cả thời gian thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

Tối đa là 25 ngày, kể từ ngày mở thầu đến khi bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu quy mô nhỏ.

Trong trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá E-HSDT nhưng không quá 20 ngày và phải bảo đảm tiến độ thực hiện dự án.

Thông tư 05/2018/TT-BKHĐT có hiệu lực từ ngày 01/9/2019.

Thông tư số:30/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước.

Ngày 12 tháng 12 năm 2018 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành thông tư số 30/2018/TT-NHNN về hướng dẫn xác định vốn nhà nước của các doanh nghiệp cổ phần hóa là các tổ chức tín dụng (TCTD).

Thông tư này hướng dẫn việc xác định vốn nhà nước tại các doanh nghiệp cổ phần hóa là tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 31 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP).

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ.

Đối với vốn nhà nước tại các doanh nghiệp cổ phần hóa là TCTD được xác định gồm các số dư tài khoản như sau:

Vốn điều lệ (601); Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định (602); Vốn khác (609); Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (611); Quỹ đầu tư phát triển (612); Quỹ dự phòng tài chính (613).

Ngoài ra, số dư tài khoản Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại doanh nghiệp cổ phần hóa là TCTD (nếu có) được xác định là vốn Nhà nước.

Thông tư 30/2018/TT-NHNN chính thức có hiệu lực từ ngày 01/3/2019.

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi,
Q. Thanh Xuân
TP. Hà Nội

Phone: 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà
Hoang Anh Safomec,
7/1 Thanh Thai, P.14,
Q.10
TP. Hồ Chí Minh

Phone: 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, Phường Trần
Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 73061268

Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà,
Đường Tố Hữu,
Quận Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368